

## **GÓP THÊM CÁC BẢN DỊCH MỚI VỀ BÀI KỆ CỦA THIÊN SƯ TỪ ĐẠO HẠNH**

NGUYỄN THÀNH NAM<sup>(\*)</sup>

**T**rong số các tác phẩm Thiên sư Từ Đạo Hạnh để lại, có một bài kệ mà người viết bài này rất tâm đắc và bất hủ với thời gian. Nhân duyên của bài kệ này là khi có vị tăng nhân hỏi: “Phải chăng hành trụ tọa ngọa là Phật tâm?”<sup>(1)</sup>. Ông đáp rằng:

*Tác hữu trần sa hữu,*

*Vi không nhất thiết không.*

*Hữu không như thủy nguyệt*

*Vật trước hữu không không.*

“Thiên sư Từ Đạo Hạnh (1072-1116) tục gọi là Đức Thánh Láng, là một thiên sư nổi tiếng Việt Nam thời nhà Lý. Cuộc đời ngài được ghi lại dưới nhiều màu sắc huyền thoại. Dân chúng lập đền thờ ngài tại chùa Thiên Phúc (nay thuộc xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội), tục gọi là Chùa và Chùa Láng, nội thành Hà Nội. Hằng năm, lễ hội Chùa Thầy được mở vào ngày 7 tháng 3 âm lịch, tương truyền là ngày ông viên tịch.

Tương truyền, ông tên là Lộ, con của quan đô sát Từ Vinh và bà Tăng Thị Loan. Do Từ Vinh bị giết bởi một pháp sư có tên là Đại Điền, Từ Lộ đã đi tu luyện phép thuật và giết được Đại Điền để trả thù cho cha. Sau đó, ông đi vân du khắp nơi để học đạo và cứu nhân độ thế và cuối cùng viên tịch tại núi Sài Sơn.

Truyền thuyết lưu rằng, sau khi Từ Đạo Hạnh chết, ông đầu thai thành con của Sùng Hiền Hầu, em trai của vua Lý Nhân Tông. Vị vua này không có con nên đã nhường ngôi cho con của Sùng Hiền Hầu,

người con này chính là Từ Đạo Hạnh đầu thai, trở thành vua Lý Thần Tông”<sup>(2)</sup>.

Triều đại nhà Lý vì thế trở thành nền tảng bền vững, trải qua một ngàn năm vẫn lưu dấu tích của Thiên sư Từ Đạo Hạnh nơi Chùa Láng và Chùa Thầy.

“Tại Hà Nội có Chùa Láng, tên chữ là Chiêu Thiên Tự được xây dựng đời vua Lý Anh Tông (con của Lý Thần Tông). Chùa thờ Thiên sư Từ Đạo Hạnh và Lý Thần Tông. Bên cạnh đó có Chùa Nền, tên chữ là Đản Cơ Tự dựng trên nền ngôi nhà cũ của Từ Đạo Hạnh.

Chùa Thầy là một ngôi chùa ở chân núi Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây, nay là xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, cách trung tâm Thủ đô khoảng 20 km về phía Tây Nam, đi theo đường cao tốc Láng - Hòa Lạc. Sài Sơn có tên Nôm là núi Thầy, nên chùa được gọi là Chùa Thầy. Chùa được xây dựng từ thời nhà Lý. Đây là nơi tu hành của Thiên sư Từ Đạo Hạnh, lúc này núi Thầy còn gọi là núi Phật Tích.

Ban đầu, chùa Thầy chỉ là một am nhỏ gọi là Hương Hải am, nơi Thiên sư Từ Đạo Hạnh trụ trì. Vua Lý Nhân Tông đã cho xây dựng lại gồm hai cụm chùa: Chùa Cao (Đỉnh Sơn Tự) trên núi và chùa Dưới (tức Chùa Cả - Thiên Phúc Tự). Đầu thế kỉ XVII, Dinh Quận Công cùng hoàng tộc chăm lo việc trùng tu, xây

\*. Tiến sĩ, Thượng tọa Thích Đông Bốn, Ban Phật giáo Việt Nam, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.

1. Trần Thế Pháp. *Lĩnh Nam Chích Quái*. Wikipedia.

2. Wikipedia: *Từ Đạo Hạnh*

dựng điện Phật, điện Thánh; sau đó là nhà Hậu, nhà bia, gác chuông. Theo thuyết phong thủy, chùa được xây dựng trên thế đất hình con rồng. Phía trước chùa, bên trái là ngọn Long Đầu, lưng chùa và bên phải dựa vào núi Sài Sơn. Chùa quay mặt về hướng Nam, trước chùa, nằm giữa Sài Sơn và Long Đầu là một hồ rộng mang tên Long Chiếu hoặc Long Trì (Ao Rồng). Sân có hàm rồng<sup>(3)</sup>.

Chùa Láng gắn liền với giai đoạn đầu của cuộc đời Từ Đạo Hạnh, còn Chùa Thầy lại chứng kiến quãng đời sau cùng cho đến ngày thoát xác của vị sư thế hệ thứ 12 thuộc Thiên phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi này.

Bản diễn nghĩa trước đây bằng thơ lục bát đã thể hiện tuyệt tác này như sau:

*Có thì có tự mảy may*

*Không thì cả thế gian này cũng không*

*Vùng trăng vắng vạc in sông*

*Chắc chi có có không không mơ màng<sup>(4)</sup>.*

Thiền sư Nhất Hạnh cũng đã diễn dịch văn vần bài kệ này như sau :

*Có thì có tự mảy may,*

*Không thì cả vũ trụ này cũng không*

*Có, không bóng nguyệt lòng sông*

*Cả hai tuy vậy chẳng không chút nào!<sup>(5)</sup>*

Trước đây, cũng có lưu truyền phổ biến trong nhân gian một bản dịch có khác ở hai câu sau, song chưa biết được tác giả, bản dịch này được sử dụng rộng rãi hơn hai bài dịch đầu:

*Có thì có tự mảy may*

*Không thì cả thế gian này cũng không*

*Có không bóng nguyệt lòng sông*

*Nào ai hay có với không làm gì.*

Các dịch phẩm trên đều là tuyệt tác, nhưng hình như chưa có dị bản nào cho hai câu kệ đầu khi diễn nghĩa, có thể chỉ vì hai câu đầu tiên này được diễn dịch quá tuyệt vời, nên chắc cũng không có

bản dịch nào sau này hay hơn được, thế nên không có sự khác nhau chẳng?

Do người viết bài này tư duy cảm nhận và rung cảm với bài kệ trên, cũng để tỏ lòng trân trọng tác phẩm bất hủ này của Thiền sư Từ Đạo Hạnh, nay nhân sự kiện kỉ niệm Nghìn năm Thăng Long, xin đóng góp vài bản dịch mới, mục đích làm phong phú thêm cho bài kệ trên và thêm giá trị kho tàng văn học Phật giáo đời Lý, là nền tảng căn bản của một triều đại đã làm nên Thăng Long thành ngày xưa và thủ đô Hà Nội ngày nay.

1. Đầu tiên là một bài theo thể lục bát bằng cảm nhận của mình với khắc khoải sự không hay có qua bóng trăng đáy nước, rồi giải quyết kết thúc bằng từ ngữ “bận lòng chi”:

*Đã có, xưa nay vốn có rồi,*

*Là không, ngàn thuở vẫn đều không.*

*Bóng trăng đáy nước không hay có?*

*Bận lòng chi mãi có với không!*

(Chiêu dê)

“Ngôn ngữ là sự thể hiện của tư tưởng, các thiền sư đời Lý quen sống với tư tưởng nên họ nhìn vũ trụ nhân sinh quan bằng quan niệm: Có, Không; “Hữu hình cũng là một cái với vô hình và ngược lại, cái vô hình cũng có thể diễn đạt bằng cái nhìn hữu hình”<sup>(6)</sup>.

2. Bài thứ hai, cũng là một bài kệ theo lối thơ lục bát, cũng giải quyết bằng từ ngữ “bận lòng chi” nhưng là thể khẳng định ngay trong câu thứ ba:

*Ngàn xưa có đã có rồi,*

*Ngàn sau không vẫn mãi là trống không*

3. Wikipedia: *Từ Đạo Hạnh*.

4. Nguyễn Hữu Sơn. *Huyền Quang: Loại hình tác phẩm: Thiền Uyển Tập Anh*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 2003.

5. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Tập 1. Nxb. Văn học, Hà Nội, 1994, tr. 152.

6. Hòa thượng Thích Đức Nhuận. *Những đóng góp to lớn của đạo Phật cho dân tộc dưới triều Lý (1010-1225)*. Website: thuvienhoasen.net

*Tựa như trăng hiện đáy sông  
Có không xin chớ bận lòng làm chi !*

(Chiêu đề)

“Cảm nhận sống hết cái triết lí Bất Nhị, các thiên sư đời Lý nhìn đâu cũng thấy là Chân Như”<sup>(7)</sup>.

3. Trong bài lục bát thứ ba, là bài không còn giải quyết giới hạn bởi từ ngữ “bận lòng” như hai bài đầu, mà thể hiện bằng nhìn ví dụ trăng đáy nước để tạo nghi vấn trong khẳng định bằng từ ngữ “Đố ai”:

*Đã có thời có từ xưa  
Đã không tìm mãi trên đời cũng không  
Kìa xem bóng nguyệt lòng sông  
Đố ai biết được có, không trăng thiên*

...

(Chiêu đề)

“Thi ca đời Lý, có thể nói, là thứ ngôn ngữ siêu ngôn ngữ, triết lí siêu triết lí, có khả năng rút tất cả thế giới vào trong một vài chữ (Có-Không) bằng một ý niệm (idée) mà vẫn diễn đạt được hết mọi lẽ sinh hóa của vũ trụ vạn hữu”<sup>(8)</sup>.

4. Đến bài cuối cùng trong loạt cảm tác này, tác giả dùng thể loại song thất lục bát để diễn nghĩa bài kệ của Thiên sư Từ Đạo Hạnh bằng cách tự vấn, đặt dấu chấm hỏi ngay từ hai câu thơ đầu:

*Trên cao trăng có tự khi nào?  
Ảnh hiện đáy sông, trăng thật sao?  
Có, không, trăng vẫn là trăng ấy,  
Nào luận có không để hỏi nhau!*

(Chiêu đề)

“Một ánh nắng, một bông hoa nở, một áng mây, một giọt sương rơi đều mang một ý nghĩa mật ẩn sâu xa; tất cả chỉ là hình ảnh của Tâm hay Chân Như biến hiện và sự sống từ đó tràn lan bất tận vô thủy vô chung”<sup>(9)</sup>.

Qua bài kệ của Thiên sư Từ Đạo Hạnh, ta thấy hệ tư tưởng Hoa Nghiêm “Vạn

pháp trùng trùng duyên khởi” đã hiển hiện nơi hai câu thơ đầu:

*Đã có xưa nay vốn có rồi  
Là không muôn thuở vẫn đều không*

Đây là triết lí cốt lõi đại thừa dung thông, chứng tỏ Thiên sư đã đạt được đỉnh cao rốt ráo làm cho nền tảng tư tưởng này đã có mặt ở đất Việt từ thời Lý. Chúng ta dễ dàng bắt gặp tư tưởng triết lí này phổ biến ngày nay trong tông chỉ Mật giáo Tây Tạng: “Cái gì có ở nơi này, thì có ở nơi khác”.

*Ngàn xưa có đã có rồi,  
Ngàn sau không vẫn mãi là trống không*

Qua đó, đủ biết rằng Thiên phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi đã dung thông Thiên - Mật một cách rốt ráo cả Thể và Dụng trong việc hoằng truyền và phổ độ chúng sinh tại đất Việt ngày xưa.

Nhận định này cũng phù hợp với đánh giá về văn học đời Lý: “Thơ văn đời Lý chịu ảnh hưởng sâu xa của nguồn giáo lí Đại thừa Phật giáo, nhất là về Thiên tông và Mật tông, nên “huyền diệu, thần bí lạ lùng!”<sup>(10)</sup>.

*Tựa như trăng hiện đáy sông  
Có không xin chớ bận lòng làm chi!*

Là người dân nước Việt ngày nay, chúng ta tự hào lịch sử nước nhà đã có những nhà tư tưởng thâm thúy, mà bài kệ trên của Thiên sư Từ Đạo Hạnh là một giá trị văn học đã đạt đến chân lí giác ngộ, góp phần cho tư tưởng chủ đạo nước nhà thời bấy giờ. Nhưng trên tất cả, tư tưởng của Ngài từ bài kệ bất hủ trên đã làm vị trí của Thiên sư sống mãi trong lòng bao thế hệ tinh hoa dân tộc Việt khi nghĩ về sự kiện kỉ niệm Nghìn năm Thăng Long từ câu thơ:

*Kìa xem bóng nguyệt lòng sông  
Đố ai biết được có, không trăng thiên./*

7,8,9,10. Hòa thượng Thích Đức Nhuận. Bài đã dẫn.